ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HÀ THỊ MINH TRANG

BIỂU THỨC MIÊU TẢ KHÔNG XÁC ĐỊNH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ CÁCH CHUYỂN DỊCH SANG TIẾNG HÁN

Ngành: Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu
Mã số: 9220241

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – năm 2025

Công trình được hoàn thành tại: **Khoa Ngôn ngữ học - Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. Phạm Hữu Đức**
TS. Đỗ Thúy Hà

Phản biện 1: …….
Phản biện 2: …….

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại . . . . . .
vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong lĩnh vực nghiên cứu Việt ngữ học và dịch thuật, việc khám phá và hiểu rõ biểu thức miêu tả trong tiếng Việt là một nhiệm vụ cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với cả lý luận ngôn ngữ học lẫn thực tiễn ứng dụng. Khi xét đến các biểu thức miêu tả không xác định, không khó nhận thấy một khoảng trống lớn trong các nghiên cứu hiện có, đặc biệt là trong phạm vi danh ngữ. Những năm gần đây, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về biểu thức miêu tả chiếu vật trong các tác phẩm văn học, nhưng những nghiên cứu cụ thể và chuyên sâu về biểu thức miêu tả không xác định vẫn còn hạn chế. Điều này đặc biệt rõ ràng khi xem xét việc dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng Hán, một lĩnh vực đòi hỏi sự tinh tế và hiểu biết sâu sắc về cả hai ngôn ngữ.

Trong thời đại hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa ngày càng sâu rộng, nhu cầu về dịch thuật chính xác và phù hợp giữa các ngôn ngữ đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Tiếng Việt và tiếng Hán là hai ngôn ngữ có nhiều tương đồng nhưng cũng không ít khác biệt về ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và văn hóa; các biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt thường mang tính linh hoạt và phong phú về ngữ nghĩa, tạo nên thách thức lớn khi chuyển dịch sang tiếng Hán. Việc hiểu rõ và đưa ra cách xử lý phù hợp cho các biểu thức này không chỉ giúp duy trì tính chính xác và mạch lạc của văn bản dịch mà còn giữ nguyên được sắc thái ngữ nghĩa và văn phong của văn bản gốc.

Nghiên cứu về biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt và cách chuyển dịch sang tiếng Hán là một việc làm quan trọng và có ý nghĩa. Nó không chỉ giúp làm sáng tỏ các đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ dụng của các biểu thức này mà còn cung cấp những

kiến giải cụ thể cho việc dịch thuật giữa hai ngôn ngữ. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi các nghiên cứu về dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng Hán còn hạn chế và chưa có nhiều tài liệu, lý thuyết liên quan; việc thực hiện một luận án tiến sĩ về đề tài này càng trở nên cấp thiết. Nghiên cứu này sẽ giúp lấp đầy khoảng trống trong lĩnh vực dịch thuật Việt-Hán, đồng thời mở ra những hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học so sánh và ứng dụng.

Với trọng tâm là biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt, luận án này không chỉ mang lại đóng góp quan trọng vào việc hiểu biết và xử lý các vấn đề ngữ nghĩa, ngữ dụng mà còn có thể ứng dụng rộng rãi vào lĩnh vực dịch thuật. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp nâng cao chất lượng của các bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán, đảm bảo tính chính xác, mạch lạc và giữ nguyên được sắc thái ngữ nghĩa của văn bản gốc. Đồng thời, nghiên cứu này cũng sẽ đóng góp vào việc phát triển lý luận ngôn ngữ học, làm rõ các quy tắc và chiến lược dịch thuật hiệu quả, mở ra những hướng nghiên cứu mới trong tương lai.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu về biểu thức miêu tả không xác định và đối chiếu cách chuyển dịch sang tiếng Hán, đề tài nhằm làm sáng tỏ các vấn đề liên quan tới cấu tạo, ngữ nghĩa, cách sử dụng biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt, xác định rõ các phương tiện và cách thức biểu đạt tương đương trong tiếng Hán nhằm tìm ra các quy tắc và chiến lược dịch thuật cho các văn bản Việt-Hán tương lai.

3. Nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt cùng hai dạng thức tiêu biểu trong danh ngữ tiếng Việt (“một + danh từ ± định ngữ miêu tả” và “những + danh từ ± định ngữ miêu tả”) và việc chuyển dịch sang tiếng Hán.

- Phân tích các tiểu loại của biểu thức miêu tả không xác định thuộc phạm vi nghiên cứu trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* và *Nỗi buồn chiến tranh* trên bình diện ngữ nghĩa (nghĩa chiếu vật, nghĩa miêu tả, nghĩa tình thái) và ngữ dụng.

- Phân tích thực trạng việc chuyển dịch các nhóm biểu thức miêu tả không xác định sang tiếng Hán qua bản dịch tiếng Hán *Dế Mèn phiêu lưu ký* và *Nỗi buồn chiến tranh* của dịch giả người Trung Quốc.

- Đánh giá các phương án chuyển dịch và một số lỗi trong quá trình chuyển dịch Việt-Hán từ bình diện ngôn ngữ và văn hóa, nhận thức và tâm lý.

- Đề xuất khuyến nghị và giải pháp nhằm giải quyết các trường hợp chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định chưa thật phù hợp trong bản dịch hiện nay dựa theo phương pháp trực dịch và dịch linh hoạt.

4. Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt và phương thức chuyển dịch sang tiếng Hán, với khách thể nghiên cứu được xác định là hai tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*, *Nỗi buồn chiến tranh* cùng các bản dịch tiếng Hán tương ứng.

Phạm vi nghiên cứu của luận án là các biểu thức miêu tả không xác định trong hai tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*, *Nỗi buồn chiến tranh* cùng bản dịch tương ứng sang tiếng Hán; giới hạn điển cứu ở hai dạng thức: "một + danh từ ± định ngữ miêu tả" và "những + danh từ ± định ngữ miêu tả".

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp miêu tả: luận án áp dụng phương pháp miêu tả nhằm phân tích, diễn giải và làm rõ các dạng cấu tạo, hoạt động của

các biểu thức miêu tả không xác định trong phạm vi nghiên cứu và những mối liên hệ của chúng với các nhân tố giao tiếp cụ thể. Khi miêu tả các phân loại biểu thức miêu tả không xác định, luận án sử dụng thủ pháp phân tích ngôn cảnh/cảnh huống (context of situation analysis) với tiền giả định là đối tượng được nhắc đến có thể xác định được nghĩa chiếu vật (có nghĩa chiếu vật) hoặc không thể xác định được nghĩa chiếu vật (không có nghĩa chiếu vật) mà chỉ mang chức năng miêu tả chi tiết hoặc thuộc ngữ. Ngoài ra, luận án có sử dụng kèm các thủ pháp bổ trợ khác gồm: *thủ pháp miêu tả các nét đặc trưng* để làm nổi bật các đặc điểm riêng có của nhóm đối tượng nghiên cứu; *thủ pháp thống kê và phân loại* để xử lý nguồn ngữ liệu về mặt định tính và định lượng. Sử dụng phần mềm AntConC để hiển thị tất cả các câu hoặc đoạn văn chứa biểu thức miêu tả không xác định; thông qua số liệu cụ thể có được, chúng tôi tiến hành đánh giá và rút ra các quy tắc và quy luật chuyển dịch chung. Những trường hợp đặc biệt không theo quy tắc, chúng tôi cũng sẽ tìm hiểu và phân tích tường tận.

Phương pháp so sánh đối chiếu: luận án so sánh các bình diện ngữ nghĩa của đối tượng nghiên cứu thuộc tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*, *Nỗi buồn chiến tranh* với đối tượng tương ứng trong bản dịch tiếng Hán nhằm xác định cái giống nhau và khác nhau về mặt ý nghĩa của chúng. Việc so sánh đối chiếu diễn ra trong nội bộ văn bản gốc và văn bản dịch, khi tiến hành, chúng tôi có sử dụng thủ pháp hệ thống hóa, thủ pháp đối chiếu chuyển dịch để làm rõ quy luật của các phương án mà dịch giả sử dụng. Cách trình bày các ví dụ trong phần đối chiếu gồm 3 dòng (dòng thứ nhất là ngữ liệu trong văn bản dịch, dòng thứ hai là chú giải ý nghĩa mà chỉ tố trong văn bản dịch biểu thị, dòng thứ ba là ngữ liệu trong văn bản gốc). Với những ví dụ quá

dài, chúng tôi sẽ dùng dấu ba chấm (...) để rút gọn, nguyên bản xin xem trong phần phụ lục.

Đối với cách dịch giả xử lý trong bản dịch, chúng tôi tiến hành nhận xét và đánh giá các chiến lược phù hợp và đưa ra quy tắc dịch đúng. Đối với những trường hợp được nhận định chưa phù hợp, chúng tôi sẽ đưa ra phương án dịch của mình và giải thích lý do. Phần kiến giải, chúng tôi ưu tiên sử dụng phương pháp trực dịch và phương pháp dịch linh hoạt dựa theo tám chiến lược chuyển dịch của Baker (1992) để giải quyết từng trường hợp cụ thể.

6. Nguồn ngữ liệu

- Kho ngữ liệu tiếng Việt Vietlex: https://www.vietlex.com
- Kho ngữ liệu tiếng Hán BCC (Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh): https://bcc.blcu.edu.cn
- Tô Hoài. (2017). *Dế Mèn phiêu lưu ký*. Nhà xuất bản Kim Đồng, mã số ISBN: 9786042030540.
- Bản dịch của dịch giả Lý Oánh [李 莹]. (2018). *蟋蟀冒险记*. Nhà xuất bản Đoàn Kết (Trung Quốc), mã số ISBN: 9787512655959.
- Bảo Ninh. (2019). *Nỗi buồn chiến tranh*. Nhà xuất bản Trẻ), mã số ISBN: 9786041142121.
- Bản dịch của dịch giả Hạ Lộ [夏露]. (2019). *战争哀歌*. Nhà xuất bản Văn nghệ Hồ Nam (Trung Quốc), mã số ISBN: 9787540490881.

7. Ý nghĩa và đóng góp của luận án

Về mặt lý luận: cụ thể hoá những lý thuyết về chiếu vật bằng biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt; làm rõ vai trò của các biểu thức này trong việc cấu thành nghĩa của phát ngôn ở các tình huống cụ thể. Việc phân tích cách chuyển dịch từ tiếng Việt

sang tiếng Hán giúp làm sáng tỏ quá trình biến đổi ngữ nghĩa trong quá trình chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định. Kết quả của luận án giúp chuẩn hóa các danh từ khối và biểu thức miêu tả không xác định, cung cấp một cơ sở học thuật rõ ràng hơn cho các nhà nghiên cứu và dịch giả.

Về mặt thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng dịch thuật, đặc biệt là khả năng dịch các biểu thức miêu tả không xác định một cách chính xác, trôi chảy và đảm bảo tính dễ tiếp nhận từ tiếng Việt sang tiếng Hán. Nghiên cứu này có thể trở thành tài liệu tham khảo có giá trị trong hoạt động giảng dạy và học tập ngôn ngữ, giúp người học và người dạy tiếng Việt cho người Trung Quốc và ngược lại nắm vững các nét tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ, từ đó cải thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

8. Kết cấu của luận án

Đề tài gồm phần mở đầu, phần nội dung (có ba chương), phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Biểu thức miêu tả không xác định và một số vấn đề liên quan

1.1.1 Khái niệm biểu thức miêu tả không xác định

Thuật ngữ biểu thức miêu tả không xác định được sử dụng trong đề tài này được hiểu là:

- Những biểu thức ngôn ngữ (từ, ngữ, câu) dùng để chỉ ra một hoặc một nhóm đối tượng không xác định nào đó trong thế giới thực (hay tưởng tượng) trong những bối cảnh cụ thể.

- Những biểu thức miêu tả có đặc điểm nhận diện qua một số từ ngữ mang tính không xác định.

- Những biểu thức miêu tả không xác định được dùng để miêu tả chi tiết hoặc nêu ra thuộc tính cho đối tượng.

1.1.2 Vai trò và ý nghĩa của biểu thức miêu tả không xác định

Biểu thức miêu tả không xác định đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu thông tin mới, tạo sự mơ hồ và phản ánh tính phổ quát của một hay một nhóm đối tượng.

1.1.3 Đặc điểm cấu tạo và phân loại biểu thức miêu tả không xác định

Luận án của chúng tôi dựa theo cách phân chia các tiểu loại danh từ mà Nguyễn Tài Cẩn đưa ra năm 1975 để phân loại các biểu thức miêu tả không xác định thuộc đối tượng nghiên cứu thành bốn loại chính: biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và biểu thức miêu tả không xác định chỉ sự vật khác.

1.1.4 Biểu thức miêu tả không xác định có cấu tạo dạng danh ngữ trong tiếng Việt và tiếng Hán

1.1.5 Biểu thức miêu tả không xác định trong luận án

Đối tượng khảo sát của luận án gồm hai dạng thức như sau:

Dạng thức A: một + danh từ đơn vị ± định ngữ miêu tả ; một + danh từ khối ± định ngữ miêu tả; một + danh từ đơn vị + danh từ khối ± định ngữ miêu tả

Dạng thức B: những + danh từ đơn vị ± định ngữ miêu tả; những + danh từ khối ± định ngữ miêu tả; những + danh từ đơn vị + danh từ khối ± định ngữ miêu tả

1.2 Các lý thuyết liên quan đến đề tài luận án

1.2.1 Giao tiếp và các nhân tố giao tiếp

Lý thuyết về giao tiếp và các nhân tố giao tiếp kết hợp với lý thuyết chiếu vật nhằm xác định rõ các mục đích sử dụng biểu thức miêu tả không xác định trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể; đồng

thời làm rõ các bình diện ngữ nghĩa (nghĩa chiếu vật, nghĩa miêu tả, nghĩa tình thái) của các biểu thức đó.

1.2.2 Lý thuyết chiếu vật

Lý thuyết chiếu vật được sử dụng để xây dựng bộ máy khái niệm về biểu thức miêu tả không xác định và phân định chức năng ± chiếu vật cho các biểu thức miêu tả không xác định là đối tượng nghiên cứu thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án.

1.2.3 Lý thuyết về dịch thuật

Lý thuyết về dịch thuật đưa ra các vấn đề chung của dịch thuật, những thuận lợi và khó khăn trong việc chuyển dịch Việt-Hán; lý thuyết chuyển dịch của Baker (1992) để phân tích toàn bộ các trường hợp lược dịch toàn bộ đối tượng nghiên cứu trong hai bản dịch tiếng Hán đồng thời dựa vào 8 chiến lược dịch thuật của tác giả để đưa ra kiến nghị cho các biểu thức miêu tả không xác định chưa được chuyển dịch thỏa đáng.

1.3 Về tác giả, tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký, Nỗi buồn chiến tranh* và các bản dịch Việt-Hán

1.3.1 Về tác giả, tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký, Nỗi buồn chiến tranh*

1.3.2 Về bản dịch tiếng Hán *Dế Mèn phiêu lưu ký* và *Nỗi buồn chiến tranh*

Tiểu kết chương 1

Trong chương này, chúng tôi tập trung vào việc giới thiệu và phân tích biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt cùng hai dạng thức tiêu biểu (có cấu tạo danh ngữ), đồng thời trình bày các vấn đề lý thuyết quan trọng được sử dụng làm cơ sở nghiên cứu. Việc làm này nhằm cung cấp một nền tảng lý luận vững chắc cho quá trình tiếp cận và giải quyết vấn đề, từ đó làm sáng tỏ đặc điểm

ngữ nghĩa, ngữ dụng cho các biểu thức miêu tả không xác định được nghiên cứu trong đề tài.

Trước hết, lý thuyết về giao tiếp và các nhân tố giao tiếp được sử dụng để phân tích cách mà các biểu thức miêu tả không xác định xuất hiện trong các ngữ cảnh cụ thể và vai trò của chúng trong việc truyền đạt thông tin giữa các đối tượng giao tiếp. Lý thuyết này giúp xác định rõ những yếu tố như người phát ngôn, người tiếp ngôn, ngữ cảnh và mục đích giao tiếp có ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn và sử dụng biểu thức miêu tả không xác định.

Tiếp theo, lý thuyết chiếu vật giúp phân tích cách các biểu thức miêu tả không xác định hoạt động trong vai trò chiếu vật và không chiếu vật ở văn bản tiếng Việt. Lý thuyết này cung cấp khung lý luận để hiểu rõ mối quan hệ giữa các biểu thức ngôn ngữ và thực thể mà chúng đại diện, đặc biệt trong trường hợp các biểu thức miêu tả không xác định có thể liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, tùy thuộc vào ngữ cảnh cụ thể.

Cuối cùng, lý thuyết về dịch thuật được áp dụng để phân tích và đánh giá cách biểu thức miêu tả không xác định thuộc phạm vi nghiên cứu được chuyển dịch sang tiếng Hán. Lý thuyết này giúp xác định những phương pháp phù hợp để chuyển tải các yếu tố không xác định, đảm bảo rằng sự tương đương về ngữ nghĩa, ngữ dụng được duy trì một cách tối ưu trong quá trình dịch thuật.

Nhìn chung, chương này không chỉ cung cấp một cái nhìn tổng quan về biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt mà còn trình bày các lý thuyết nền tảng làm cơ sở cho việc triển khai các nội dung cần thực hiện trong chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2: BIỂU THỨC MIÊU TẢ KHÔNG XÁC ĐỊNH TRONG TIẾNG VIỆT (TRÊN CỨ LIỆU TÁC PHẨM *DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ* VÀ *NỖI BUỒN CHIẾN TRANH*)

2.1 Biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*

Các biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm sẽ được phân chia thành bốn loại gồm: biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và biểu thức miêu tả không xác định chỉ sự vật khác.

Bảng 2.1: Bảng thống kê các biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*

Biểu thức miêu tả không xác định	Dạng thức A	Dạng thức B
Chỉ người	5	11
Chỉ động vật	38	26
Chỉ thực vật	12	14
Chỉ sự vật khác	12	36
Tổng	**154**	

2.1.1 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ con người

2.1.2 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật

2.1.3 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật

2.1.4 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ các sự vật khác

2.2 Biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh*

Biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ

thực vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ các sự vật hữu hình khác có kết quả thống kê như bảng 2.2 dưới đây.

Bảng 2.2: Bảng thống kê các biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh*

Biểu thức miêu tả không xác định	**Dạng thức A**	**Dạng thức B**
Chỉ người	193	119
Chỉ động vật	6	10
Chỉ thực vật	20	26
Chỉ sự vật khác	192	112
Tổng	**708**	

2.2.1 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ con người

2.2.2 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật

2.2.3 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật

2.2.4 Biểu thức miêu tả không xác định chỉ các sự vật khác

2.3 Những khó khăn và thách thức trong việc chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán

2.3.1 Khả năng tương thích ngữ nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Hán

2.3.2 Sự khác biệt về tư duy ngôn ngữ và văn hóa

2.3.3 Sự khác biệt về nhận thức và tâm lý

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, chúng tôi đã tiến hành phân tích chi tiết các tiểu loại của biểu thức miêu tả không xác định thuộc đối tượng nghiên cứu, bao gồm: biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và biểu thức miêu tả không xác định chỉ các sự vật khác. Việc phân tích được thực hiện trên hai bình diện

chính là ngữ nghĩa (gồm nghĩa chiếu vật, nghĩa miêu tả, nghĩa tình thái) và ngữ dụng trong hai tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* và *Nỗi buồn chiến tranh*; kết quả cho thấy:

Về mặt cấu tạo, các biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, động vật thường có định ngữ miêu tả là những đặc trưng thuộc vẻ bên ngoài (ngoại hình, màu sắc, hình dạng) hay tính cách (lười biếng, chăm chỉ, đoàn kết), nguồn gốc xuất xứ; các biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và sự vật khác thường có định ngữ miêu tả là những đặc trưng mang tính trực quan "đập vào mắt" hoặc là những hình ảnh mang tính gợi tả cao.

Về bình diện ngữ nghĩa, dù các biểu thức miêu tả thực hiện chức năng nào (chiếu vật, thuộc ngữ, miêu tả chỉ tiết) thì nghĩa tình thái phần lớn sẽ được thể hiện qua các danh từ đơn vị, một số ít thể hiện qua định ngữ miêu tả; ngược lại, nghĩa miêu tả chủ yếu được thể hiện qua định ngữ miêu tả, một số ít thể hiện qua danh từ đơn vị. Hai dạng biểu thức nghiên cứu (A và B) có sự khác biệt về số lượng (dạng thức thứ nhất là số đơn, dạng thức thứ hai là số phức), nhưng trong chức năng chiếu vật, sự khác biệt ở hai mô hình này không rõ ràng; dạng thức thứ hai vẫn có thể thực hiện chức năng chiếu vật là số đơn.

Về mặt chức năng, nhìn chung, biểu thức miêu tả không xác định ngoài chức năng đưa đối tượng vào diễn ngôn, còn có chức năng duy trì sự phát triển của mạch văn bản – tương đương với chức năng của đại từ thay thế. Biểu thức miêu tả không xác định có chức năng thuộc ngữ nêu ra thuộc tính của đối tượng, phần lớn chỉ xuất hiện trong tiểu loại biểu thức chỉ người và động vật. Biểu thức miêu tả không xác định có chức năng miêu tả chi tiết có số lượng nhiều nhất trong tất cả các loại biểu thức miêu tả không xác định; định ngữ miêu tả của những biểu thức này tập trung nhấn mạnh những nét đặc

trưng nổi bật của đối tượng, thể hiện khả năng quan sát tỉ mỉ, kỹ lưỡng của nhà văn.

Với những đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ dụng như trên của các biểu thức miêu tả không xác định trong hai tác phẩm, các khó khăn mà dịch giả có thể gặp phải tập trung ở ba vấn đề chính: (*i*) vấn đề chuyển dịch chỉ số lượng cho đối tượng; (*ii*) vấn đề chuyển dịch danh từ đơn vị để phù hợp với nghĩa tình thái; (*iii*) vấn đề chuyển dịch các định ngữ miêu tả để sát với ý tưởng sáng tác của nhà văn trong văn bản gốc.

Những kết quả nói trên không chỉ làm sáng tỏ bản chất của hai dạng thức biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt mà còn cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo về dịch thuật. Những kết quả này là cơ sở để chúng tôi đề xuất các giải pháp hiệu quả cho việc chuyển dịch các biểu thức này, góp phần nâng cao chất lượng dịch thuật văn bản văn học.

CHƯƠNG 3: CÁCH CHUYỂN DỊCH BIỂU THỨC MIÊU TẢ KHÔNG XÁC ĐỊNH SANG TIẾNG HÁN (TRÊN CỨ LIỆU BẢN DỊCH DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ VÀ NỖI BUỒN CHIẾN TRANH) VÀ NHỮNG KIẾN GIẢI LIÊN QUAN

3.1 Kết quả khảo sát cách chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định sang tiếng Hán trong bản dịch tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*

3.1.1 Nhận xét chung

Các phương án chuyển dịch các phát ngôn chứa biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* được tổng hợp như bảng dưới đây:

Biểu thức miêu tả không xác định	Số lượng phát ngôn	Phương án dịch tương đương	Phương án lược dịch	Phương án có kiến nghị
Chỉ người	15	13	0	2
Chỉ động vật	60	38	2	20
Chỉ thực vật	26	17	1	8
Chỉ sự vật khác	45	35	1	9
Tổng	146	103	4	39

3.1.2 Các cách thức chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định trong bản dịch của dịch giả Lý Oánh

3.1.3 Đánh giá các trường hợp lược dịch biểu thức miêu tả không xác định

3.2 Kết quả khảo sát cách chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định sang tiếng Hán trong bản dịch tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh*

3.2.1 Nhận xét chung

Các phương án chuyển dịch các phát ngôn chứa biểu thức miêu tả không xác định trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* được tổng hợp như bảng dưới đây:

Biểu thức miêu tả không xác định	Số lượng phát ngôn	Phương án dịch tương đương	Phương án lược dịch	Phương án có kiến nghị
Chỉ người	275	247	4	24
Chỉ động vật	16	14	0	2
Chỉ thực vật	46	40	0	6
Chỉ sự vật khác	256	234	5	17
Tổng	593	535	9	51

3.2.2 Các cách thức chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định trong bản dịch của dịch giả Hạ Lộ

3.2.3 Đánh giá các trường hợp lược dịch biểu thức miêu tả không xác định

3.3. Một số kiến giải và đề xuất

3.3.1 Quy luật chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán

Thông qua việc khảo sát các phương án chuyển dịch biểu thức không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán trong các văn bản thuộc phạm vi nghiên cứu, chúng tôi rút ra được một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, phương pháp trực dịch, tức là cách chuyển dịch tương đương 1-1 và tương đương dịch tách là phương pháp chủ đạo được sử dụng để chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán. Trường hợp chuyển dịch tương đương ngữ dụng được xác định thuộc phương pháp dịch linh hoạt, tức dịch giả sử dụng những biểu thức có giá trị tương đương về mặt ngữ dụng để tiến hành chuyển dịch.

Thứ hai, đối với những biểu thức miêu tả không chứa định ngữ miêu tả, dịch giả có thể chuyển dịch theo dạng thức 1-1 mà không cần có bất kỳ sự thay đổi nào về trật tự giữa các thành phần cấu tạo trong dạng thức A: "số từ + lượng từ + danh từ". Tuy nhiên, dạng thức B (có số lượng là số phức) thì không có dạng thức tương đương này.

Thứ ba, đối với việc chuyển dịch dạng thức B, các biểu thức không xác định khi giữ chức vụ làm đề cho phát ngôn, khi chuyển sang tiếng Hán cần thêm đại từ chỉ thị do yêu cầu về quy tắc cú pháp. Có thể thấy, trong danh ngữ tiếng Việt, việc sử dụng chỉ thị từ trong biểu thức miêu tả có tính định vị cao; còn trong danh ngữ tiếng Hán,

việc sử dụng đại từ chỉ thị trong biểu thức miêu tả phụ thuộc khá nhiều vào yêu cầu từ bình diện cấu trúc.

Thứ tư, có nhiều trường hợp, trong các bối cảnh cụ thể, văn bản dịch không cần phải sử dụng biểu thức dạng số phức (dạng thức B) cho đối tượng mà người đọc của văn bản dịch vẫn tri nhận được đối tượng là số nhiều. Tương tự, có những trường hợp, văn bản dịch không cần phải sử dụng số đơn cho đối tượng mà người đọc của văn bản dịch vẫn tri nhận đúng đối tượng là số ít (cá thể).

Thứ năm, trong một số ít trường hợp, dịch giả có thể chủ động thêm định ngữ miêu tả cho biểu thức trong văn bản dịch để đối tượng được nhắc đến rõ ràng hơn, phù hợp hơn với nhận thức và tâm lý của đội giả văn bản dịch.

3.3.2 Những trường hợp nên chỉnh sửa

Mặc dù việc chuyển dịch các biểu thức miêu tả không xác định trong hai dịch phẩm đã đạt được những thành công nhất định, đặc biệt là trong dịch phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* của Hạ Lộ, nhưng đối với 88 trường hợp cụ thể, chúng tôi có cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra kiến nghị về cách chuyển dịch tối ưu cho văn bản dịch hiện tại.

3.3.3 Đề xuất liên quan

Thứ nhất, từ điển Việt Hán thông dụng rất khó để giải quyết được vấn đề chuyển đổi tên gọi sự vật (danh từ khối) từ tiếng Việt sang tiếng Hán, nên về lâu dài, cần có sự ra đời của cuốn từ điển đối chiếu thuật ngữ Việt-Hán đặc biệt là về phạm trù động vật và thực vật. Trong khi chờ đợi sự ra đời của cuốn từ điển này, dịch giả Việt-Hán tạm thời có thể kết hợp hai phương án tìm kiếm: qua danh pháp khoa học (tiếng Anh) và qua hình ảnh đối tượng. Tức là, ban đầu, dịch giả tìm danh pháp khoa học của đối tượng (tên tiếng Anh), rồi dùng danh pháp khoa học đó để tìm kiếm đối tượng bằng tiếng Hán. Sau cùng, sử dụng tên tiếng Hán đó để tìm kiếm hình ảnh tương ứng;

nếu hình ảnh có được phù hợp với hình ảnh sự vật trong tiếng Việt, thì đó được coi là tên gọi tương đương.

Thứ hai, trường hợp đối tượng được nhắc đến quá xa lạ với người đọc văn bản dịch, các dịch giả Việt-Hán có thể lựa chọn phương án 8 – dịch bằng cách minh họa. Phương án dịch 5 - dịch bằng cách sử dụng và diễn giải một từ liên quan và phương án dịch 4 - dịch bằng cách sử dụng một từ mượn hoặc một từ mượn có kèm lời giải cũng là những lựa chọn hữu ích nếu không tìm được tên gọi tương đương.

Với mục đích đảm bảo cho các biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt được chuyển dịch tương đương sang tiếng Hán thì dịch giả cần tuân thủ các nguyên tắc: (*i*) chuyển dịch chính xác các danh từ là tên gọi liên quan; (*ii*) hạn chế lược dịch các định ngữ miêu tả tới mức tối thiểu; (*iii*) lưu ý chuyển dịch các danh từ đơn vị phù hợp, đặc biệt là các danh từ đơn vị là các từ xưng hô.

- Về nghĩa chiếu vật: dịch giả trước hết cần quan tâm tới ngụ ý của tác giả văn bản gốc; xem xét xem liệu tác giả đưa dạng thức này vào văn bản có với mục đích chiếu vật hay không (sự cố tình của người sử dụng). Nếu có nghĩa chiếu vật, thì dịch giả cần lưu ý tới biện pháp nghệ thuật và phương án sử dụng các biểu thức khác nhau để chiếu vật trong quá trình miêu tả, nhận định đối tượng đó; bởi một sự vật có thể được quy chiếu bằng nhiều biểu thức miêu tả khác nhau, mỗi biểu thức miêu tả lại có những ngụ ý nghệ thuật khác nhau.

- Về nghĩa miêu tả: dịch giả nên lưu ý hạn chế tới mức tối đa việc lược dịch định ngữ miêu tả. Trường hợp định ngữ miêu tả có cấu tạo phức tạp, thường là hình tượng so sánh phức tạp thì nên xem xét cách diễn đạt khác tương đương trong văn bản dịch; có thể sử dụng thủ pháp dịch tách thành một số ngữ đoạn khác nhau hoặc các

phương án chuyển dịch tương đương văn hóa. Phương pháp dịch thuật so sánh là một công cụ quan trọng có thể tham khảo để đảm bảo văn bản dịch vừa phù hợp về mặt ngữ nghĩa mà còn phù hợp với cả mặt ngữ pháp và văn phong, văn hóa của ngôn ngữ đích.

- Về nghĩa tình thái: dịch giả nên chú trọng vào hai thành tố: danh từ đơn vị và định ngữ miêu tả, đặc biệt là danh từ đơn vị. Trong tiếng Việt, các danh từ đơn vị đa phần đều bao hàm nghĩa tình thái, định ngữ miêu tả tuy không thể hiện rõ rệt như danh từ đơn vị nhưng cách miêu tả (so sánh, sử dụng từ miêu tả, v.v.) cũng thể hiện phần nào thái độ của tác giả đối với đối tượng được nhắc đến.

Tiểu kết chương 3

Trong chương ba này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát phương án chuyển dịch hai dạng thức biểu thức miêu tả không xác định A và B sang tiếng Hán thông qua các bản dịch Việt-Hán tương ứng. Kết quả cho thấy, phương pháp trực dịch là phương pháp chủ đạo được sử dụng để chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán. Trường hợp không sử dụng được phương án trực dịch, các dịch giả sẽ sử dụng nhiều phương án dịch linh hoạt khác như: lược dịch, dịch tách, dịch bằng cách thay thế văn hóa, v.v..

Đối với những biểu thức miêu tả không chứa định ngữ miêu tả, dịch giả có thể chuyển dịch theo dạng thức 1-1 mà không cần có bất kỳ sự thay đổi nào về trật tự giữa các thành phần cấu tạo trong dạng thức A: “số từ + lượng từ + danh từ”. Tuy nhiên, dạng thức B (có số lượng là số phức) thì không có dạng thức tương đương này.

Với việc chuyển dịch dạng thức B, các biểu thức không xác định khi giữ chức vụ làm đề cho phát ngôn thì chuyển sang tiếng Hán cần thêm đại từ chỉ thị do yêu cầu về quy tắc cú pháp trong danh ngữ tiếng Hán. Có nhiều trường hợp, trong các bối cảnh cụ thể, văn bản dịch không cần phải sử dụng biểu thức dạng số phức (dạng thức

B) cho đối tượng mà người đọc của văn bản dịch vẫn tri nhận được đối tượng là số nhiều và ngược lại.

Trong một số ít trường hợp, dịch giả có thể chủ động thêm định ngữ miêu tả cho biểu thức trong văn bản dịch để đối tượng được nhắc đến rõ ràng hơn, phù hợp hơn với nhận thức và tâm lý của độc giả văn bản dịch.

Trong quá trình chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định ở dạng thức A và B từ tiếng Việt sang tiếng Hán, việc chuyển dịch danh từ khối (danh từ riêng) đóng vai trò tối quan trọng trong việc thể hiện nghĩa miêu tả (nghĩa biểu vật), việc chuyển dịch chính xác định ngữ miêu tả giúp người đọc văn bản dịch hình dùng rõ hơn về các đối tượng không xác định được nhắc đến, việc chuyển dịch các danh từ đơn vị đóng vai trò chính trong việc chuyển thể nghĩa tình thái cho cả biểu thức.

Cuối cùng, luận án đưa ra những kiến giải nhằm hạn chế lỗi tương tự có thể phát sinh trong các bản dịch Việt-Hán. Chúng tôi tin rằng những giải pháp này không chỉ cải thiện được chất lượng của các bản dịch hiện tại mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển của mảng dịch thuật Việt-Hán trong tương lai.

KẾT LUẬN

Đề tài này đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc về các biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt và cách chúng có thể được chuyển dịch một cách hiệu quả, chính xác sang tiếng Hán. Những kết quả chính của luận án có thể tóm lược lại như sau:

Trong chương 1, chúng tôi tập trung vào việc giới thiệu và phân tích biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt cùng hai dạng thức tiêu biểu, đồng thời trình bày các vấn đề lý thuyết quan trọng được sử dụng làm cơ sở nghiên cứu.

Lý thuyết về giao tiếp và các nhân tố giao tiếp được sử dụng để phân tích cách các biểu thức miêu tả không xác định xuất hiện trong các ngữ cảnh cụ thể và vai trò của chúng trong việc truyền đạt thông tin giữa các đối tượng giao tiếp. Lý thuyết này giúp xác định rõ những yếu tố giao tiếp có ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn và sử dụng biểu thức miêu tả không xác định.

Lý thuyết chiếu vật giúp phân tích cách các biểu thức miêu tả không xác định hoạt động trong vai trò chiếu vật và không chiếu vật ở văn bản tiếng Việt. Lý thuyết này cung cấp khung lý luận để hiểu rõ mối quan hệ giữa các biểu thức ngôn ngữ và thực thể mà chúng đại diện, tùy thuộc vào ngữ cảnh cụ thể.

Lý thuyết về dịch thuật được áp dụng để phân tích và đánh giá cách các biểu thức miêu tả không xác định thuộc phạm vi nghiên cứu được chuyển dịch sang tiếng Hán. Lý thuyết này giúp xác định những phương pháp phù hợp để chuyển tải các yếu tố trong biểu thức miêu tả không xác định, đảm bảo sự tương đương về ngữ nghĩa, ngữ dụng được duy trì một cách tối ưu.

Trong chương 2, chúng tôi đã tiến hành phân tích chi tiết các tiểu loại của biểu thức miêu tả không xác định thuộc đối tượng nghiên cứu, bao gồm: biểu thức miêu tả không xác định chỉ người,

biểu thức miêu tả không xác định chỉ động vật, biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và biểu thức miêu tả không xác định chỉ các sự vật khác; kết quả cho thấy:

Về mặt cấu tạo, các biểu thức miêu tả không xác định chỉ người, động vật thường có định ngữ miêu tả là những đặc trưng thuộc vẻ bên ngoài (ngoại hình, màu sắc, hình dạng) hay tính cách (lười biếng, chăm chỉ, đoàn kết), nguồn gốc xuất xứ; các biểu thức miêu tả không xác định chỉ thực vật và sự vật khác thường có định ngữ miêu tả là những đặc trưng mang tính trực quan "đập vào mắt" hoặc là những hình ảnh mang tính gợi tả cao.

Về mặt ngữ nghĩa, dù các biểu thức miêu tả thực hiện chức năng nào (chiếu vật, thuộc ngữ, miêu tả chỉ tiết) thì nghĩa tình thái phần lớn sẽ được thể hiện qua các danh từ đơn vị, một số ít thể hiện qua định ngữ miêu tả; ngược lại, nghĩa miêu tả chủ yếu được thể hiện qua định ngữ miêu tả, một số ít thể hiện qua danh từ đơn vị. Hai dạng biểu thức nghiên cứu (A và B) có sự khác biệt về số lượng nhưng trong chức năng chiếu vật, sự khác biệt ở hai mô hình này không rõ ràng; dạng thức B vẫn có thể thực hiện chức năng chiếu vật là số đơn.

Về mặt ngữ dụng, nhìn chung, biểu thức miêu tả không xác định ngoài chức năng đưa đối tượng vào diễn ngôn, còn có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự phát triển của mạch văn bản. Biểu thức miêu tả không xác định có chức năng thuộc ngữ nêu ra thuộc tính của đối tượng, phần lớn chỉ xuất hiện trong tiểu loại biểu thức miêu tả chỉ người và động vật. Biểu thức miêu tả không xác định có chức năng miêu tả chi tiết có số lượng nhiều nhất trong tất cả các loại biểu thức miêu tả không xác định; định ngữ miêu tả của những biểu thức này tập trung nhấn mạnh những nét đặc trưng nổi bật của đối tượng.

Trong chương 3, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các phương án chuyển dịch hai dạng thức biểu thức miêu tả không xác định A và B sang tiếng Hán thông qua các bản dịch Việt-Hán tương ứng. Phương pháp trực dịch được nhận định là phương pháp chủ đạo mà các dịch giả sử dụng; ngoài ra, các dịch giả còn sử dụng một số phương pháp dịch linh hoạt khác như: lược dịch, dịch tách, dịch bằng cách thay thế văn hóa, v.v..

Nhìn chung, đối với những biểu thức miêu tả không chứa định ngữ miêu tả, dịch giả có thể chuyển dịch theo dạng thức tương đương 1-1 mà không cần có bất kỳ sự thay đổi nào về trật tự giữa các thành phần cấu tạo trong dạng thức A; nhưng dạng thức B thì không có dạng thức tương đương này.

Với việc chuyển dịch dạng thức B, các biểu thức không xác định khi giữ chức vụ làm đề cho phát ngôn, khi chuyển sang tiếng Hán cần thêm đại từ chỉ thị do yêu cầu về mặt quy tắc ngữ pháp. Có nhiều trường hợp, trong các bối cảnh cụ thể, văn bản dịch không cần phải sử dụng biểu thức dạng số phức (dạng thức B) cho đối tượng mà người đọc của văn bản dịch vẫn tri nhận được đối tượng là số nhiều và dạng thức A cũng tương tự.

Trong một số ít trường hợp, dịch giả có thể chủ động thêm định ngữ miêu tả cho biểu thức trong văn bản dịch để đối tượng được nhắc đến rõ ràng hơn, phù hợp hơn với nhận thức và tâm lý của độc giả văn bản dịch.

Cuối cùng, luận án đưa ra những kiến giải (88 phương án kiến nghị) nhằm trình bày cách chuyển dịch tối ưu, từ đó, hạn chế lỗi tương tự có thể phát sinh trong các bản dịch Việt-Hán tương lai; cụ thể như sau:

Thứ nhất, từ điển Việt Hán thông dụng rất khó để giải quyết được vấn đề chuyển đổi tên gọi sự vật (danh từ khối) từ tiếng Việt

sang tiếng Hán, nên về lâu dài, cần có sự ra đời của cuốn từ điển đối chiếu thuật ngữ Việt-Hán đặc biệt là về phạm trù động vật và thực vật. Trong khi chờ đợi sự ra đời của cuốn từ điển này, dịch giả Việt-Hán tạm thời có thể áp dụng hai phương pháp tra cứu song song: tìm kiếm thông qua danh pháp khoa học (tiếng Anh) và đối chiếu hình ảnh của đối tượng. Tức là, ban đầu, dịch giả tra cứu danh pháp khoa học của đối tượng (tên tiếng Anh), sau đó dùng danh pháp khoa học này để tìm kiếm tên đối tượng bằng tiếng Hán và sử dụng tên đó để tìm kiếm hình ảnh tương ứng. Nếu hình ảnh có được phù hợp với hình ảnh sự vật trong tiếng Việt, thì tên gọi đó được coi là tên gọi tương đương.

Thứ hai, khi đối tượng được nhắc đến khá lạ lẫm với người đọc văn bản dịch, các dịch giả Việt-Hán có thể lựa chọn phương án 8 – dịch bằng cách minh họa. Phương án dịch 5 - dịch bằng cách sử dụng và diễn giải một từ liên quan và phương án dịch 4 - dịch bằng cách sử dụng một từ mượn hoặc một từ mượn có kèm lời giải cũng là những lựa chọn hữu ích nếu không tìm được tên gọi tương đương.

Thứ ba, để đảm bảo cho các biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt được chuyển dịch tương đương sang tiếng Hán thì dịch giả cần tuân thủ các nguyên tắc: (*i*) chuyển dịch chính xác các danh từ khối; (*ii*) hạn chế lược dịch các định ngữ miêu tả tới mức tối thiểu; (*iii*) lưu ý chuyển dịch các danh từ đơn vị phù hợp, đặc biệt là các danh từ đơn vị là các từ xưng hô.

Trong quá trình chuyển dịch, dịch giả cần xem xét kỹ lưỡng 3 khía cạnh ngữ nghĩa quan trọng của biểu thức miêu tả không xác định. Trước hết, về nghĩa chiếu vật, dịch giả phải trả lời được câu hỏi "tác giả văn bản gốc có ngụ ý sử dụng biểu thức miêu tả này để chiếu vật hay không". Nếu có, cần chú trọng đến biện pháp nghệ thuật và lựa chọn những biểu thức phù hợp để bảo toàn sự quy chiếu. Về

nghĩa miêu tả, việc lược dịch định ngữ miêu tả cần được hạn chế tối đa. Đối với các cấu trúc miêu tả phức tạp, đặc biệt là hình tượng so sánh, có thể áp dụng các phương thức chuyển dịch như dịch tách hoặc chuyển dịch tương đương văn hóa. Phương pháp dịch thuật so sánh cũng là một công cụ hữu ích để đảm bảo tính phù hợp về ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn phong và văn hóa. Về nghĩa tình thái, dịch giả cần lưu ý đến vai trò của danh từ đơn vị và định ngữ miêu tả, trong đó danh từ đơn vị đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện nghĩa tình thái.

Nhìn chung, luận án này đã cung cấp một nền tảng lý thuyết và thực tiễn vững chắc cho việc nghiên cứu cũng như ứng dụng hai dạng biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt và cách chuyển dịch chúng sang tiếng Hán. Những đóng góp này nhằm mục đích nâng cao chất lượng dịch thuật, cải thiện việc dạy và học ngôn ngữ, góp phần vào sự phát triển của ngành ngôn ngữ học và dịch thuật nói chung.

Do khuôn khổ luận án có hạn, khi khảo sát, đối chiếu chuyển dịch biểu thức miêu tả không xác định từ tiếng Việt sang tiếng Hán, chúng tôi nhận thấy còn tồn tại một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu trong tương lai như: khảo sát các biểu thức miêu tả không xác định với lượng mẫu lớn hơn, đối tượng đa dạng hơn; mở rộng nghiên cứu biểu thức miêu tả không xác định trong ngữ cảnh của lời nói; đối chiếu kết quả chuyển dịch toàn bộ (hoặc phần lớn) các bản dịch tác phẩm văn học Việt Nam sang tiếng Hán đã được xuất bản trên thị trường.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hà Thị Minh Trang. (2021). "Chút", "chút ít" trong tiếng Việt và việc chuyển dịch sang tiếng Hán hiện đại. *Từ điển học và Bách khoa thư*, 2(70), 55-60.

2. Hà Thị Minh Trang, Võ Thị Mộng Thơ. (2022). Semantic Features of "A Few" in Vietnamese and Translation to English, Chinese. *South Asian Research Journal of Humanities and Social Sciences*, 4(3), 187-193.

3. Hà Thị Minh Trang. (2024). The Semantic Characteristics of Pronominal Nouns in Vietnamese and Translation into Chinese. *Asian Research Journal of Arts & Social Sciences*, 22(5), 19-28.

4. Hà Thị Minh Trang. (2024). Classifiers for Animals in Vietnamese and their Translation into Modern Chinese (Based on the Work "Dế Mèn Phiêu Lưu Kí"-The Adventures of a Cricket). *Global Academic Journal of Humanities and Social Sciences*, 6(4), 186-190.

5. Hà Thị Minh Trang. (2024). Vietnamese Animal Names and Their Translation into Modern Chinese (Based on the adventures of a cricket). *International Journal of Multidisciplinary Research and Growth Evaluation*, 05(04), 1182-1185.